



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 92

Ngày 15 tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|---|---|
| 12-9-2023 | Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Sở Y tế. | 2 |
| 15-9-2023 | Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 7 |

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|---|----|
| 31-8-2023 | Quyết định số 1638/QĐ-UBND quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 10 |
|-----------|---|----|

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Số: 30/2023/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 12 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Sở Y tế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 83/TTr-SYT ngày 07/7/2023; Đề án số 09/ĐA-SYT ngày 26/12/2022 về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (Dân số - KHHGD) là tổ chức trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Y tế; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn nghiệp

vụ của Cục Dân số thuộc Bộ Y tế.

2. Chi cục Dân số - KHHGD thực hiện chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Y tế quản lý nhà nước về Dân số - KHHGD, bao gồm các lĩnh vực: Quy mô dân số, cơ cấu dân số và chất lượng dân số; các giải pháp nhằm điều chỉnh quy mô dân số phù hợp, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về Dân số - KHHGD trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Chi cục Dân số - KHHGD thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây theo sự phân cấp của Sở Y tế:

1. Trình cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm và hàng năm, chương trình, đề án về Dân số - KHHGD của tỉnh; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, cải cách hành chính, phân cấp quản lý, xã hội hóa công tác Dân số - KHHGD trên địa bàn tỉnh; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Chi cục.

2. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định, chỉ thị cá biệt và chương trình, giải pháp, biện pháp huy động, phối hợp liên ngành trong lĩnh vực Dân số - KHHGD.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các chính sách Dân số - KHHGD, đào tạo nguồn nhân lực làm công tác Dân số - KHHGD của tỉnh; tham mưu Giám đốc Sở Y tế lồng ghép nội dung dân số trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Giúp Giám đốc Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình mục tiêu, chương trình hành động, dự án về Dân số - KHHGD sau khi được phê duyệt.

5. Xây dựng các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về Dân số - KHHGD trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

6. Quản lý về quy mô Dân số - KHHGD

a) Theo dõi, quản lý biến động tăng, giảm dân số, đề xuất các giải pháp điều chỉnh mức sinh và tỷ lệ phát triển dân số trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật đối với các hoạt động dịch vụ tư vấn kế hoạch hoá gia đình và quản lý các phương tiện tránh thai; quản lý các dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các đề án, mô hình liên quan đến quy mô Dân số - KHHGD trên địa bàn tỉnh.

7. Quản lý về cơ cấu dân số

a) Theo dõi, tổng hợp về cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật để bảo đảm cân bằng giới tính theo quy luật sinh sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện đề án, mô hình liên quan đến điều chỉnh cơ cấu dân số trên địa bàn tỉnh.

8. Quản lý về chất lượng dân số

a) Theo dõi, tổng hợp về chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng dân số đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, việc triển khai thực hiện các mô hình nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục; cung cấp dịch vụ, tư vấn về các lĩnh vực Dân số - KHHGD, sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên.

10. Tổ chức thực hiện các nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Dân số - KHHGD.

11. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý về Dân số - KHHGD; tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin và báo cáo về Dân số - KHHGD theo quy định hiện hành.

12. Hướng dẫn, kiểm tra, tạo điều kiện và hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức dịch vụ công và thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực Dân số - KHHGD.

13. Giúp Giám đốc Sở Y tế quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực Dân số - KHHGD theo phân cấp của Sở Y tế; tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện hệ thống chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực Dân số - KHHGD, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và KHHGD.

14. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về Dân số - KHHGD cho cán bộ chuyên trách xã và cộng tác viên thôn bản.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; tài chính, tài sản được giao; quản lý các tổ chức sự nghiệp thuộc Chi cục; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Sở Y tế.

16. Kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực Dân số - KHHGD theo thẩm quyền.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Y tế giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Chi cục gồm: Chi Cục trưởng và 01 Phó Chi Cục trưởng

a) Chi Cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

b) Phó Chi Cục trưởng là người giúp Chi Cục trưởng phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Chi Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, điều động, luân chuyển, thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Chi Cục trưởng, Phó Chi Cục trưởng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ

a) Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch và Tài vụ;

b) Phòng Dân số - Truyền thông - Giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục do Chi Cục trưởng phân công; chịu trách nhiệm trước Chi Cục trưởng và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Số lượng cấp phó của các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc Chi cục Dân số - KHHGD thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, của Sở Y tế.

3. Số lượng biên chế công chức

Số lượng biên chế công chức của Chi cục Dân số - KHHGD nằm trong tổng số biên chế công chức của Sở Y tế được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này và Đề án số 09/ĐA-SYT ngày 26/12/2022 theo đúng quy định.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/9/2023.

Bãi bỏ Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Ủy ban

nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - KHHGD trực thuộc Sở Y tế và các quy định trước đây quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - KHHGD trái với quy định tại Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Chi cục Dân số - KHHGD và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 31/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 160/TTr-SNN-CCKL ngày 12 tháng 09 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung “Không áp dụng tận thu, tận dụng đối với cây lâm nghiệp tập trung (rừng tự nhiên, rừng trồng), tài sản sau khi nhà nước bồi thường phải tổ chức thu hồi và bán đấu giá theo quy định” tại Khoản 1 Điều 1, như sau:

“- Đối với cây lâm nghiệp (rừng tự nhiên, rừng trồng) do nhà nước đầu tư, tài sản sau khi nhà nước bồi thường phải tổ chức xử lý theo quy định.

- Đối với rừng trồng do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, tài sản sau khi nhà nước bồi thường, UBND cấp huyện xây dựng, phê duyệt và triển khai phương án xử lý tài sản theo nguyên tắc: Trường hợp giá trị tài sản thu hồi cao hơn chi phí xử lý tài sản, phải tổ chức xử lý theo quy định; trường hợp giá trị tài sản thu hồi bằng hoặc thấp hơn chi phí xử lý tài sản, cho phép tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được tận thu, tận dụng tài sản”.

2. Sửa đổi nội dung “1. Cây rừng tập trung: Rừng tự nhiên và rừng trồng” tại Khoản 4 Điều 1 như sau:

“1. Cây lâm nghiệp: Rừng tự nhiên, rừng trồng”.

3. Sửa đổi nội dung “Việc đo đếm gỗ, gốc, rễ, gỗ xẻ áp dụng Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản” tại Khoản 4 Điều 1 như sau:

“Việc đo đếm gỗ, gốc, rễ, gỗ xẻ áp dụng Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương và các đơn vị liên quan về trình tự, thủ tục khai thác lâm sản sau bồi thường theo quy định.

- Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương và đơn vị liên quan xử lý tài sản (rừng tự nhiên, rừng trồng) sau khi nhà nước bồi thường theo quy định.

- Các Sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan xử lý tài sản, theo chức năng kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quyết định này”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 1638/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/6/2023 của HĐND tỉnh về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 141/TTr-SNN ngày 01/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, như sau: Lấy bằng mức giá năm 2021 quy định tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/6/2023 của HĐND tỉnh về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

Điều 2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Quyết định này là giá chưa có thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các thủ tục thanh toán, quyết toán tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

3. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra, rà soát và xác nhận diện tích tưới tiêu hàng năm do đơn vị quản lý cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi lập.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định này là cơ sở để chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi (đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước) thực hiện thu tiền cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý công trình thủy lợi tỉnh Đắk Lắk; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng